

CÔNG TY CỔ PHẦN KAVE GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KAVE GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KAVE GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KAVE GROUP., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108957764

3. Ngày thành lập: 23/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 14c, ngách 134/3 phố Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website: www.kave.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Chi tiết: Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4513
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4520
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá) Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
6.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa	4610
7.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
8.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
9.	Bán buôn thực phẩm (Trừ loại nhà nước cấm)	4632
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649

11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
14.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Trừ đấu giá)	4719
15.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
16.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
17.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
18.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
19.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ thuốc)	4772
20.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
21.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)	4791
22.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi; Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
23.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác	4932
24.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
25.	Vận tải đường ống	4940
26.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa Chi tiết: Vận tải hành khách đường sông, hồ, kênh, rạch bằng phương tiện cơ giới và thô sơ; Cho thuê tàu thuyền có thủy thủ đoàn, cho thuê ghe, xuồng có người lái để vận tải hành khách trên sông, hồ, kể cả kênh, rạch	5021
27.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)	5210
28.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của đại lý bán vé máy bay, vé xe ô tô, vé tàu; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Gửi hàng; Giao nhận hàng hóa; Thu phát các chứng từ vận tải; Môi giới thuê và cho thuê phương tiện vận tải đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không).	5229
31.	Bưu chính	5310
32.	Chuyển phát	5320
33.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
34.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất phần mềm.	5820
35.	Lập trình máy vi tính	6201
36.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính Chi tiết : - Hoạt động lập và thiết kế các hệ thống máy tính tích hợp các phần cứng, phần mềm máy tính và công nghệ giao tiếp - Cung cấp các phần cứng, phần mềm của hệ thống máy tính; - Thực hiện cài đặt hệ thống , đào tạo, hướng dẫn và trợ giúp khách hàng của hệ thống; - Quản lý và điều hành hệ thống máy tính của khách hàng và/hoặc công cụ xử lý dữ liệu; - các hoạt động chuyên gia và các hoạt động khác có liên quan đến máy vi tính.	6202
37.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
38.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: Dịch vụ xử lý dữ liệu; cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin như: cho thuê tên miền internet, cho thuê trang Web. (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê và bán lại hạ tầng viễn thông, mạng cung cấp)	6311
39.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312(Chính)
40.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí.	6399
41.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết : Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	6619
42.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết : Hoạt động tư vấn quản lý, quản trị doanh nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, chứng khoán, kiểm toán, kế toán)	7020
43.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên Chi tiết: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học máy tính và thông tin	7211

44.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo trên không)	7310
45.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
46.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế website	7410
47.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; hoạt động môi giới bản quyền; tư vấn chứng khoán)	7490
48.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô, xe có động cơ khác	7710
49.	Đại lý du lịch	7911
50.	Điều hành tua du lịch chi tiết: Dịch vụ cung cấp cho hành khách đi du lịch bởi các nhà điều hành chuyến du lịch của các đại lý du lịch và các dịch vụ tương tác khác; Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế	7912
51.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch chi tiết: Cung cấp các dịch vụ đặt chỗ liên quan đến hoạt động du lịch: vận tải, khách sạn, nhà hàng, cho thuê xe, giải trí và thể thao	7990
52.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Trừ kinh doanh dịch vụ bảo vệ)	8020
53.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Trừ dịch vụ bảo vệ)	8110
54.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp (Không bao gồm tư vấn tài chính và cung ứng lao động)	8211
55.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
57.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thương mại điện tử	8559
58.	Hoạt động của các cơ sở thể thao (trừ hoạt động của các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp)	9311

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

Thời gian đăng từ ngày 23/10/2019 đến ngày 22/11/2019

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN QUANG AN	14C, Ngách 3, Ngõ 134 Lê Trọng Tấn, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	770.000	7.700.000.000	77,000	013287371	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	770.000	7.700.000.000	77,000		
2	DƯƠNG QUỐC HUY	Căn 508 Tầng 5 Tòa nhà HH4A, Ô Đất HH4, Lô CC6 Khu DVTH và nhà ở Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	3,000	B5909400	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	30.000	300.000.000	3,000		

3	PHAN HOÀNG NINH	Nhà số 5, Kiệt 1183 Đường Nguyễn Tất Thành, Tổ 3, Phường Phú Bài, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	20,000	191424292	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHAN HOÀNG NINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/09/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 191424292

Ngày cấp: 12/08/2010 Nơi cấp: Công an Tỉnh Thừa Thiên Huế

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 5, Kiệt 1183 Đường Nguyễn Tất Thành, Tổ 3, Phường Phú Bài, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ 2506, Fivestar Garden, số 02 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội